

Bản án số: 74/2025/DS-ST
Ngày 28 tháng 8 năm 2025
V/v: “Đòi lại tài sản
và yêu cầu chia thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường
2. Ông Nguyễn Văn Trương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ. Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 265/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 8 năm 2025 về việc: “Đòi lại tài sản và yêu cầu chia thừa kế” giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Loan N (có mặt)

Trú tại: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.
Nay là: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn T (vắng mặt)

Trú tại: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.
Nay là: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Phan Thị Loan

Trú tại: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.
Nay là: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.

2/ Bà Phan Thị Mai Thanh

Trú tại: ấp Phú Lợi, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Nay là: ấp Phú Lợi, xã Phú Hữu, thành phố Cần Thơ.

3/ Bà Phan Thị Mai Ly

Trú tại: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Nay là: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.

4/ Bà Phan Thị Mai Hương

Trú tại: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Nay là: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.

5/ Bà Phan Thị Đào

Trú tại: ấp Tầm Vu, xã Trà Côn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Nay là: ấp Tầm Vu, xã Trà Côn, tỉnh Vĩnh Long.

6/ Ông Phan Văn T6, sinh năm 1947

Trú tại: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Nay là: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Phan Văn T6, bà Phan Thị L, bà Phan Thị Mai T7, bà Phan Thị Mai L1, bà Phan Thị Mai H, bà Phan Thị Đ: Bà Phan Thị Loan N (văn bản uỷ quyền ngày 17/6/2025; 04/10/2024 và 23/9/2024) (có mặt)

Trú tại: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Nay là: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.

7/ Bà Nguyễn Thị Kiều H1 (vắng mặt)

Trú tại: ấp Phú Xuân, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Nay là: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.

8/ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ (vắng mặt)

Địa chỉ: số D- E, đường N, Phường N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn trình bày trình bày: Bà là con của ông Phan Văn T6 và bà Nguyễn Thị T8 (chết năm 2021). Cha mẹ bà có được 07 người con chung gồm: Phan Thị L, Phan Thị Loan N, Phan Thị Mai T7, Phan Thị Mai L1, Phan Thị Mai H, Phan Văn T, Phan Thị Đ.

Cha mẹ bà N trong thời gian chung sống có tạo lập được một số tài sản chung gồm hai thửa đất toạ lạc tại ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Trong đó, thửa đất 03 tờ bản đồ 23 toạ lạc tại ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang do ông Phan Văn T6 đứng tên bị thu hồi và được nhà nước bồi thường số tiền 2.478.892.457 đồng theo Quyết định thu hồi đất số 768/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UBND huyện C. Sau đó cha bà Loan N có uỷ quyền cho ông T ký nhận tiền thay số tiền bồi thường

là 2.478.892.457 đồng. Ông T ký nhận tiền xong thì không đưa lại cho ông T6. Do đây là tài sản chung của ông T6, bà T8 và nay bà T8 đã chết nên ông T phải có nghĩa vụ trả lại phân nửa giá trị tài sản cho ông T và phần nửa giá trị tài sản phải được chia đều cho các hàng thừa kế thứ nhất của bà T8. Yêu cầu ông T trả cho ông T6 số tiền 1.239.446.228 đồng, buộc ông Phan Văn T thực hiện chia thừa kế số tiền 1.239.446.228 đồng cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: ông Phan Văn T6, bà Phan Thị Mai T7, bà Phan Thị Mai L1, bà Phan Thị Mai H, bà Phan Thị Đ, bà Phan Thị L, Phan Thị Loan N, Phan Văn T (chia thành 08 phần, mỗi người được nhận 154.930.778 đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, ông Phan Văn T6 trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của nguyên đơn, ông yêu cầu toà án buộc ông Phan Văn T giao trả số tiền nhận bồi thường đất là 2.478.892.457 đồng cho ông và các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị T8. Công nhận $\frac{1}{2}$ số tiền 2.478.892.457 đồng (tương đương số tiền 1.239.446.228 đồng) là tài sản riêng của ông Phan Văn T6. Thực hiện chia thừa kế tài sản riêng của bà Nguyễn Thị T8 là $\frac{1}{2}$ số tiền 2.478.892.457 đồng (tương đương số tiền 1.239.446.228 đồng) cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị T8. Cho ông nhận một suất thừa kế là số tiền 154.930.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu ông Phan Văn T trả là 1.393.376.228 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, bà Phan Thị L; bà Phan Thị Mai T7; bà Phan Thị Mai L1; bà Phan Thị Mai H; bà Phan Thị Đ cùng thống nhất lời trình bày của nguyên đơn và yêu cầu mỗi người được nhận một suất thừa kế là số tiền 154.930.778 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu độc lập của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Loan N, ông Phan Văn T6, bà Phan Thị L, bà Phan Thị Mai T7, bà Phan Thị Mai L1, bà Phan Thị Mai H, bà Phan Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Kiều H1 vắng mặt không có lý do mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Căn cứ Điều 227,

Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn và bà Nguyễn Thị Kiều H1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với bị đơn, thấy rằng:

[2.1] Đối với yêu cầu của ông Phan Văn T6 yêu cầu ông Phan Văn T trả lại số tiền 1.239.446.228 đồng vì cho rằng là tài sản chung của ông và bà Nguyễn Thị T8. Xét thấy, tại Công văn số 285/TTPTQĐ ngày 30/6/2025 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C (nay là Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ) thì ông Phan Văn T6 được bồi thường dự án khu đô thị M với số tiền 2.478.892.457 đồng, theo hồ sơ bồi thường thì ông Phan Văn T6 có uỷ quyền cho ông Phan Văn T theo giấy uỷ quyền ngày 13/7/2022 với nội dung “*Thay mặt Tôi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bàn giao mặt bằng cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C*”. Với nội dung uỷ quyền này thì ông T là người nhận tiền thay chứ ông T6 không có cho ông T số tiền này, ông T không được quyền sử dụng mà phải giao trả lại cho ông T6. Căn cứ giấy khai sinh của các con ông T6, bà T8 thì con lớn nhất sinh năm 1968 cho thấy ông T6 và bà T8 chung sống với nhau trước năm 1968 dù không cung cấp giấy chứng nhận kết hôn nhưng là hôn nhân thực tế. Phần đất nhà nước thu hồi diện tích 4.396,2m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp năm 2014 đứng tên cá nhân ông Phan Văn T6. Ông T6 xác định là tài sản chung của vợ chồng - đây là lời thừa nhận của ông T6 nên là chứng cứ không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó số tiền bồi thường 2.478.892.457 đồng là tài sản chung của ông T6 và bà T8 nên ông T6 có 50% trên số tiền 2.478.892.457 đồng là 1.239.446.228 đồng. Còn lại 1.239.446.228 đồng là phần di sản thừa kế do bà T8 chết để lại.

[2.2] Do bà T8 chết không để lại di chúc nên hàng thừa kế thứ nhất của bà T8 gồm ông Phan Văn T6, bà Phan Thị Loan N, bà Phan Thị L, bà Phan Thị Mai T7, bà Phan Thị Mai L1, bà Phan Thị Mai H, bà Phan Thị Đ, ông Phan Văn T được hưởng thừa kế theo pháp luật được quy định tại Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015. Phần di sản của bà T8 để lại là 1.239.446.228 đồng, được chia 08 kỷ phần tương đương mỗi người được thừa kế số tiền 154.930.778 đồng. Ông T đang giữ số tiền 1.239.446.228 đồng thì ông phải trả lại 154.930.778 đồng cho những đồng thừa kế khác của bà T8.

Từ những nhận định trên nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí đòi lại tài sản: Bị đơn phải chịu 49.183.383 đồng.
- Án phí chia thừa kế: Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T8 phải chịu án phí trên giá trị tài sản được chia là $154.930.778 \text{ đồng} \times 5\% = 7.746.538 \text{ đồng}$. Ông Phan Văn T6 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho ông T6.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 166, Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Loan N.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn T6, bà Phan Thị L, bà Phan Thị Mai T7, bà Phan Thị Mai L1, bà Phan Thị Mai H, bà Phan Thị Đ.

Xác định 2.478.892.457 đồng là tài sản chung của ông Phan Văn T6 và bà Nguyễn Thị T8.

Xác định 1.239.446.228 đồng là di sản do bà Nguyễn Thị T8 chết để lại.

Công nhận cho bà Phan Thị Loan N, bà Phan Thị L, bà Phan Thị Mai T7, bà Phan Thị Mai L1, bà Phan Thị Mai H, bà Phan Thị Đ, ông Phan Văn T6, Phan Văn T được hưởng suất thừa kế mỗi người là 154.930.778 đồng.

Buộc ông Phan Văn T trả lại cho ông Phan Văn T6 số tiền là 1.394.377.006 đồng (trong đó 50% của tài sản chung là 1.239.446.228 đồng và một suất thừa kế là 154.930.778 đồng).

Buộc ông Phan Văn T trả cho bà Phan Thị Loan N, Phan Thị L, bà Phan Thị Mai T7, bà Phan Thị Mai L1, bà Phan Thị Mai H, bà Phan Thị Đ giá trị di sản thừa kế mỗi người là 154.930.778 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí đòi lại tài sản: Bị đơn ông Phan Văn T phải chịu 49.183.383 đồng.

- Án phí chia thừa kế: Bà Phan Thị Loan N, bà Phan Thị L, bà Phan Thị Mai T7, bà Phan Thị Mai L1, bà Phan Thị Mai H, bà Phan Thị Đ, ông Phan Văn T mỗi người phải chịu là 7.746.538 đồng. Ông Phan Văn T6 được miễn án phí.

Bà Phan Thị Loan N được khấu trừ số tiền 3.870.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003391 ngày 02/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (nay là Thi hành án dân sự thành phố C). Bà Phan Thị Loan N phải nộp thêm số tiền 3.876.538 đồng.

Bà Phan Thị Đ được khấu trừ số tiền 3.873.269 đồng theo biên lai thu tiền số 0003627 ngày 28/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (nay là Thi hành án dân sự thành phố C). Bà Phan Thị Đ phải nộp thêm số tiền 3.873.269 đồng.

Bà Phan Thị L được khấu trừ số tiền 3.873.269 đồng theo biên lai thu tiền số 0003628 ngày 28/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (nay là Thi hành án dân sự thành phố C). Bà Phan Thị L phải nộp thêm số tiền 3.873.269 đồng.

Bà Phan Thị Mai T7 được khấu trừ số tiền 3.873.269 đồng theo biên lai thu tiền số 0003626 ngày 28/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (nay là Thi hành án dân sự thành phố C). Bà Phan Thị Mai T7 phải nộp thêm số tiền 3.873.269 đồng.

Bà Phan Thị Mai L1 được khấu trừ số tiền 3.873.269 đồng theo biên lai thu tiền số 0003629 ngày 28/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (nay là Thi hành án dân sự thành phố C). Bà Phan Thị Mai L1 phải nộp thêm số tiền 3.873.269 đồng.

Bà Phan Thị Mai H được khấu trừ số tiền 3.873.269 đồng theo biên lai thu tiền số 0003736 ngày 16/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (nay là Thi hành án dân sự thành phố C). Bà Phan Thị Mai H phải nộp thêm số tiền 3.873.269 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Ngô Huỳnh